

Số: 69/2024/QĐST-DS

B V, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp thừa kế*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 30/7/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1958.

HKTT: Thôn T Ph, xã P V, huyện B V, Tp Hà Nội

Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1961

HKTT: Thôn T Ph, xã P V, huyện B V, Tp Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị Ch – sinh năm 1962

+ Ông Hoàng Văn H – sinh năm 1968

+ Bà Chu Thị U – sinh năm 1976

+ Anh Hoàng Đức M – sinh năm 2005

+ Cháu Hoàng Thị Lệ D, sinh ngày 08/12/2006 (người đại diện theo pháp luật bà Chu Thị U, mẹ đẻ)

Đều HKTT: Thôn T Ph, xã P V, huyện B V, Tp Hà Nội

+ Ủy ban nhân dân huyện B V, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh H – Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Quang H – Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B V.

+ Ủy ban nhân dân xã P V, huyện B V, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huy H – Chủ tịch UBND xã

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Văn Th – Phó Chủ tịch UBND xã P V

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn Ch, cụ Nguyễn Thị Ph là quyền sử dụng thửa đất 06, tờ bản đồ 02 (bản đồ 299) diện tích còn lại sau khi Nhà nước xây dựng kè sông và đường bê tông đỉnh kè là $392,1m^2$ trị giá 2.940.000.000đ (*Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng*) tọa lạc tại thôn T Ph 3, xã P V, huyện B V, Hà Nội.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự đề nghị không xem xét các giá trị tài sản trên quyền sử dụng thửa đất.

+ Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ph là ngày 17/3/2011; Thời điểm mở thừa kế của cụ Hoàng Văn Ch là ngày 16/6/2018. Cụ Nguyễn Thị Ph, cụ Hoàng Văn Ch đều không để lại di chúc.

+ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hoàng Văn Ch, Nguyễn Thị Ph có 05 người con gồm: Bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị Chung, ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn H (đã chết ngày 21/11/2020), người thừa kế của ông Hoàng Văn H là bà Chu Thị U, anh Hoàng Đức M, chị Hoàng Thị Lệ D.

+ Xác định cụ Nguyễn Thị Ph, Hoàng Văn Ch khi chết đều không có nghĩa vụ phải thực hiện với người khác. Chi phí mai táng cho cụ Nguyễn Thị Ph, Hoàng Văn Ch đã thực hiện xong, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Xác định mỗi kỹ phần thừa kế trị giá 588.000.000đ (*Năm trăm tám mươi tám triệu đồng chẵn*).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H cho tặng kỹ phần thừa kế của bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H cho bà Hoàng Thị Ch.

• Phân chia di sản thừa kế như sau:

+ Giao ông Hoàng Văn H được quyền sử dụng diện tích đất $S_2 = 77m^2$ trong đó có $60m^2$ đất ở và $17m^2$ đất vườn, được giới hạn bởi các điểm 2,10,9,3,2. (Có sơ

đồ hiện trạng kèm theo); Trên đất có một phần nhà diện tích $24,2m^2$, một phần sân lát gạch, vườn trước nhà.

+ Giao bà Chu Thị U, anh Hoàng Đức M, chị Hoàng Thị Lệ D được quyền sử dụng diện tích đất $S3 = 81,4m^2$, trong đó có $60m^2$ đất ở và $21,4m^2$ đất vườn; được giới hạn bởi các điểm 1,2,10,11,12,13,14,1. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo); Trên diện tích đất có các tài sản gồm 1 phần nhà ở diện tích $20,9m^2$, bếp, nhà vệ sinh, chuồng chăn nuôi.

+ Giao bà Hoàng Thị Ch được quyền sử dụng diện tích đất $S1 = 233,7m^2$ trong đó có $180m^2$ đất ở và $53,7m^2$ đất vườn; được giới hạn bởi các điểm 3,5,6,7,8,9,3. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo); Trên diện tích đất có các tài sản gồm 01 công, 01 chuồng chăn nuôi, 01 nhà ở cấp 4, 01 bể nước $5,2m^3$, một phần nhà ở diện tích $29,9m^2$, một phần sân lát gạch.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được giao quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trường H khi kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, các bên đương sự không H tác giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) để điều chỉnh, chỉnh lý, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc theo đúng quy định của pháp luật.

+ Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị H chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Chu Thị U tự nguyện nộp toàn bộ án phí thay cho anh Hoàng Đức M, Hoàng Thị Lệ D.

+ Về án phí:

- Áp dụng Điều 4 Luật Người cao tuổi, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí cho bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn H, bà Hoàng Thị Ch.

- Bà Hoàng Thị Ch phải nộp án phí đối với kỷ phần ông Hoàng Văn H cho tặng. Số tiền án phí phải nộp là số tiền 13.760.000đ (*Mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

- Bà Chu Thị U phải nộp án phí số tiền là 13.760.000đ (*Mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. B V;
- Chi cục THADS h. B V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Phương Lan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

